

# NHỮNG QUAN HỆ KINH TẾ TRONG CÁC TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC CÓ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đỗ Thị Dung\*

Ngày nay xã hội phát triển thì kinh tế phát triển theo các tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam được hình thành chủ yếu từ việc chuyển đổi và tổ chức lại các tổng công ty nhà nước theo quyết định của Chính phủ. Do vậy, mô hình công ty mẹ - công ty con, hay mô hình tổng công ty nhà nước được mở rộng không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài. Bài viết đề cập tới các mối quan hệ kinh tế trong các tổng công ty, mối liên hệ giữa các công ty con với công ty mẹ đồng thời nêu thực trạng giữa cách lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong mô hình Tổng công ty Nhà nước và đơn vị thành viên và Công ty mẹ - công ty con. Kết quả là đã nêu ra được các mối quan hệ giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên cũng như giữa công ty mẹ và công ty con, chỉ ra được những điểm bất lợi và có lợi giữa hai mô hình này dẫn đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính khác nhau, đồng thời đưa ra những tồn tại và cách khắc phục của việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ - con.... Do đó cần đòi hỏi các mô hình cần phải nỗ lực không ngừng nâng cao phát huy các ưu điểm và hạn chế các nhược điểm để hiệu quả trong việc lập báo cáo tài chính.

• Từ khóa: báo cáo tài chính hợp nhất; tổng công ty; nhà nước; công ty mẹ; công ty con.

Today society and the economy develop, state - owned groups in Vietnam are formed mainly from the transformation and reorganization of state corporations according to the Government decision. So model of parent company - subsidiary and state - owned corporation have been extending not only in domestic but also abroad. This article writes about economic relation in corporations, the relationship between subsidiaries and parent companies and the situation between the preparation and presentation of consolidated financial statements in the group model. As a result, it mentions the relationship between the corporation and its members as well as between the parent company and its subsidiaries and the disadvantages and advantages of both models that leads to the preparation and presentation of different financial statements. At the same time, it refer to shortcomings and remedies of preparing and presenting the consolidated financial statements of two models. Therefore, it is necessary to promote advantages and limit disadvantages to increase efficiency in preparing and presenting financial statements.

• Keywords: consolidated financial report; corporations; state; parent company; subsidiaries.

Ngày nhận bài: 10/1/2019

Ngày chuyển phản biện: 13/1/2019

Ngày nhận phản biện: 20/1/2019

Ngày chấp nhận đăng: 22/1/2019

Phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp phân tích dữ liệu, bao gồm Phương pháp điều tra (dữ liệu sơ cấp): Đây là phương pháp nghiên cứu khoa học thu nhận thông tin qua hỏi - trả lời giữa nhà nghiên cứu với các cá nhân khác nhau về vấn đề quan tâm. Khi có số lượng người được hỏi lớn, phương pháp phỏng vấn cho phép rút ra những kết luận hay, có giá trị về phương diện khoa học. Phương pháp này vô cùng hữu ích trong các tình huống cần thông tin đủ sâu. Tính linh hoạt trong câu hỏi và câu trả lời giúp người phỏng vấn có được các thông tin rất quý báu, phong phú phục vụ cho việc nghiên cứu các vấn đề. Tác giả đã phỏng vấn trực tiếp các nhà quản lý, nhân viên kế toán liên quan đến vấn đề.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu (dữ liệu thứ cấp): Theo phương pháp này chúng ta hiểu được nguồn gốc của vấn đề nghiên cứu. Phương pháp thu thập dữ liệu tại đơn vị là phương pháp rất quan trọng trong quá trình thực hiện đề tài. Bao gồm các tài liệu liên quan đến tổ chức lập và trình bày BCTC hợp

\* Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Thủ Đô

nhất của Tổng công ty Nhà nước và đơn vị thành viên và Công ty mẹ - công ty con

Sử dụng kết hợp các phương pháp như nghiên cứu tài liệu, khảo sát trực tiếp, thu thập dữ liệu, phỏng vấn, phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh, ... để làm rõ thực trạng việc lập và trình bày BCTC hợp nhất tại các mô hình TCT nhà nước và các đơn vị thành viên cũng như mô hình Công ty mẹ- công ty con, từ đó có cơ sở để đề xuất giải pháp hoàn thiện.

Đề công việc hợp nhất Báo cáo tài chính (BCTC) của các Tổng công ty Nhà nước ở Việt Nam đạt hiệu quả tốt nhất, cần nghiên cứu các mối quan hệ:

**1. Tổng công ty Nhà nước và đơn vị thành viên**

Tổng công ty nhà nước là hình thức liên kết kinh tế trên cơ sở tự đầu tư, góp vốn giữa các công ty nhà nước, giữa công ty nhà nước với các doanh nghiệp khác hoặc được hình thành trên cơ sở tổ chức và liên kết các đơn vị thành viên có mối quan hệ gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, hoạt động trong một hoặc một số chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật chính nhằm tăng cường khả năng kinh doanh và thực hiện lợi ích của các đơn vị thành viên và toàn tổng công ty.

Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập có các đơn vị thành viên do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, các đơn vị thành viên do Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

Trước đây, theo quy định tại Nghị định 101/2009/NĐ-CP về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế Nhà nước thì “công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ quyền chi phối theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; công ty con là các doanh nghiệp do công ty mẹ giữ quyền chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc hai thành viên trở lên, tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty liên doanh, công ty con ở nước ngoài”. Theo đó thì “quyền chi phối” là quyền của một doanh nghiệp đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm: quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; hoặc quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp; hoặc quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của doanh nghiệp; hoặc quyền sử dụng phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp; hoặc các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp chi phối và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều

lệ của doanh nghiệp bị chi phối. Theo Nghị định 111/2007/NĐ-CP về tổ chức, quản lý tổng công ty Nhà nước và chuyển đổi tổng công ty Nhà nước, công ty Nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty Nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005.

**2. Quan hệ giữa Tổng công ty và đơn vị thành viên**

Trước đây, cơ cấu tổ chức và quan hệ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước tồn tại dưới các hình thức như sau:

(1) Quan hệ giữa các Tổng công ty và các Công ty hạch toán độc lập:

Về vốn: vốn của các công ty là một phần vốn của tổng công ty; công ty được tổng công ty giao vốn và có thể điều hòa vốn giữa các đơn vị thành viên; việc sử dụng vốn phải tuân thủ những qui chế, qui định về phân cấp quản lý và sử dụng vốn của tổng công ty;

Về mặt hạch toán: công ty là một đơn vị hạch toán tài chính, kinh tế độc lập, báo cáo tài chính sẽ được hợp nhất với tổng công ty vào cuối niên độ;

Về mặt pháp lý: công ty do Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (nếu là tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) và Bộ trưởng bộ chủ quản hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố (nếu là tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền bộ hoặc UBND tỉnh, thành phố) ký quyết định thành lập, là một pháp nhân độc lập, đăng ký hoạt động theo luật;

Về quyền tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh: phải phù hợp với sự phân cấp và ủy quyền của tổng công ty; về mặt tổ chức cán bộ: việc bổ nhiệm và miễn nhiệm ban lãnh đạo sẽ do HĐQT tổng công ty quyết định;

Công ty hoạt động, quản lý theo điều lệ riêng do Hội đồng quản trị (HĐQT) tổng công ty phê chuẩn; Công ty có thể thành lập và quyết định bộ máy của các đơn vị trực thuộc; về nguyên tắc tổng công ty phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với công ty thành viên.

(2) Quan hệ giữa các tổng công ty và các công ty hạch toán phụ thuộc:

Về vốn: công ty thành viên hạch toán phụ thuộc thì không được giao vốn, không được huy động vốn;

Về mặt hoạt động sản xuất kinh doanh: công ty hạch toán phụ thuộc chỉ được ký kết hợp đồng kinh tế, chủ động thực hiện hoạt động kinh doanh theo sự phân cấp và ủy quyền của tổng công ty;

Về hạch toán kinh tế: công ty hạch toán phụ thuộc vào tổng công ty, báo cáo tài chính hàng năm được hợp nhất với báo cáo tài chính tổng công ty;

Về tổ chức và nhân sự: theo sự phân cấp và ủy quyền của tổng công ty;

Về mặt pháp lý: do HĐQT của Tổng công ty quyết định thành lập, có con dấu và có tài khoản tại ngân hàng; Công ty hạch toán phụ thuộc không có quyền thành lập các đơn vị thành viên; về nguyên tắc Tổng công ty phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với công ty thành viên.

### 3. Sự khác biệt giữa mô hình Tổng công ty với mô hình Công ty mẹ - công ty con

Mô hình Tổng công ty và đơn vị thành viên hiện nay có một số điểm tương đồng với mô hình công ty mẹ - công ty con là: tổng công ty là cổ đông; và có quyền quyết định đến hoạt động của công ty thành viên bằng nhiều cơ chế khác nhau. Tuy nhiên, giữa hai mô hình có những khác biệt như sau:

Mô hình Tổng công ty thì cơ cấu tổ chức của tổng công ty (một nhóm các công ty) bị giới hạn có 3 cấp - Tổng công ty, Công ty và Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc (hoặc tương đương). Trong khi đó, theo mô hình Công ty mẹ - công ty con thì tầng nấc trong cơ cấu tổ chức, về mặt lý thuyết, là không giới hạn - công ty mẹ, công ty con, công ty cháu...

Về nguyên tắc, quan hệ công ty mẹ đối với công ty con là trách nhiệm hữu hạn, còn quan hệ giữa tổng công ty và đơn vị thành viên là trách nhiệm vô hạn.

Về mặt pháp lý, các đơn vị thành viên của tổng công ty và công ty là những pháp nhân độc lập chưa đầy đủ, vì đối với một số hoạt động của đơn vị thành viên, luật pháp yêu cầu phải có ủy quyền chính thức của doanh nghiệp chủ quản như lĩnh vực đầu tư, tài chính, tổ chức cán bộ...; trong khi đó, theo mô hình công ty mẹ - công ty con, các doanh nghiệp là những pháp nhân đầy đủ.

Các đơn vị thành viên hạch toán độc lập trong mô hình tổng công ty không phải do tổng công ty quyết định thành lập, mặc dù về mặt pháp lý tổng công ty là chủ sở hữu. Trong khi đó, theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì công ty mẹ là người sáng lập (hoặc tham gia sáng lập).

Trong mô hình tổng công ty, phần lớn bộ máy của tổng công ty chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính, trong khi đó ở mô hình công ty mẹ - công ty con thì công ty mẹ là một doanh nghiệp có sản phẩm, có khách hàng, có thị trường.

Những qui chế, qui định đối với một số lĩnh vực hoạt động của các thành viên trong tổng công ty thường có tính pháp qui; trong khi đó, những qui chế, qui định của các thành viên trong mô hình công ty mẹ - công ty con hoàn toàn mang tính chất quản lý.

Quá trình hình thành tổng công ty cho thấy, theo mô hình tổng công ty thì ít nhất phải có hai công ty thành viên tồn tại trước khi có tổng công ty, trong khi đó theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì công ty mẹ thường phải tồn tại trước, sáng lập hoặc tham gia sáng lập ra công ty con (trừ trường hợp mua lại).

Tổng công ty (công ty) là chủ sở hữu của cả tài sản có và tài sản nợ của công ty thành viên, tức vừa sở hữu vốn vừa sở hữu tài sản (về thực chất) và tài sản (vốn) công ty con là tài sản (vốn) của công ty mẹ; trong khi đó, theo mô hình công ty mẹ - công ty con, công ty mẹ chỉ sở hữu phần vốn đầu tư trong công ty con và vốn của công ty con là tài sản của công ty mẹ (đầu tư dài hạn).

Mô hình tổng công ty - công ty thành viên không cho phép huy động vốn một cách có hiệu quả; không cho phép tổng công ty (công ty) thay đổi cơ cấu vốn đầu tư trong các doanh nghiệp thành viên một cách linh hoạt.

Những khác biệt giữa mô hình Công ty mẹ - công ty con và mô hình Tổng công ty - đơn vị thành viên được nêu ở trên cũng là những điểm bất cập của mô hình tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên trong cùng một nhóm. Để đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước một cách cơ bản theo hướng phát triển thành những tập đoàn kinh tế mạnh, điều kiện tiên quyết là Nhà nước cần chuyển đổi các quan hệ của các thành viên trong một nhóm (tổng công ty) theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Ta có thể thấy mô hình tổng công ty và đơn vị thành viên hiện nay có một số điểm tương đồng với mô hình công ty mẹ - công ty con là: tổng công ty là cổ đông; và có quyền quyết định đến hoạt động của công ty thành viên bằng nhiều cơ chế khác nhau.

Các quy định về công ty mẹ trong Tập đoàn, công ty mẹ trong Tổng công ty cũng rất rõ ràng về vốn điều lệ, nguồn nhân lực, khả năng sử dụng bí quyết công nghệ, nguồn lực tài chính... những quy định đó ảnh hưởng rất lớn đến quá trình lập và trình bày BCTC hợp nhất.

### 4. Các tồn tại trong việc lập BCTC hợp nhất hiện nay tại các TCT nhà nước

Công ty mẹ - Công ty con là một hình thức liên kết và chi phối lẫn nhau bằng việc đầu tư, góp vốn,



bí quyết công nghệ, thương hiệu hoặc thị trường giữa các công ty có tư cách pháp nhân, trong đó có một công ty giữ quyền chi phối các công ty thành viên khác gọi là công ty mẹ và công ty thành viên khác bị công ty mẹ chi phối gọi là công ty con hoặc một phần vốn góp của công ty mẹ gọi là công ty liên kết hoặc liên doanh.

Theo CMKT Việt Nam Số 25 (VAS 25/2003): “Công ty mẹ là công ty có một hoặc nhiều công ty con. Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác gọi là công ty con”

Theo thông tư 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 định nghĩa: “Công ty con cấp 1 là công ty con bị công ty mẹ kiểm soát trực tiếp thông qua quyền biểu quyết trực tiếp của công ty mẹ. Công ty con cấp 2 là công ty con bị công ty mẹ kiểm soát gián tiếp thông qua các công ty khác. Tập đoàn đa cấp là tập đoàn gồm công ty mẹ, các công ty con cấp 1 và công ty con cấp 2”.

Công ty mẹ là một công ty sở hữu một phần chính hoặc toàn bộ số cổ phần của một công ty khác để có thể kiểm soát việc điều hành và các hoạt động của công ty này (công ty con) bằng việc gây ảnh hưởng hoặc bầu ra Hội đồng quản trị, vốn góp chi phối của công ty khác - được gọi là Công ty con; có quyền quyết định các vấn đề quan trọng tại Công ty con như nhân sự chủ chốt, chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các quyết định quan trọng khác. Công ty mẹ chi phối Công ty con thông qua tài sản và vốn.

Công ty con là một mô hình doanh nghiệp được doanh nghiệp khác đứng ra thành lập và cung cấp vốn để có thể hoạt động trong một số lĩnh vực tương ứng với doanh nghiệp đó. Công ty con được xem như một giải pháp thích hợp cho các doanh nghiệp trong việc hạn chế rủi ro gặp phải trong công việc đầu tư kinh doanh của mình.

Công ty mẹ và công ty con đều là những tư cách pháp nhân độc lập, bình đẳng, có các quyền và nghĩa vụ như nhau trước pháp luật. Công ty mẹ chi phối công ty con bằng quyền của chủ sở hữu quy định của pháp luật và theo điều lệ công ty con. Đồng thời công ty mẹ không được phép tùy tiện can thiệp vào hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản lý tài chính của công ty con.

Theo diễn giải của chuẩn mực kế toán quốc tế IAS (International Accounting Standard), công ty mẹ (Parent company) là một thực thể pháp lý có ít nhất một đơn vị trực thuộc - công ty con (Subsidiary). Công ty con là thực thể pháp lý bị kiểm soát bởi công ty mẹ. Theo đó, kiểm soát ở đây được hiểu là:

- Sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp nhiều hơn 50% số phiếu bầu;

- Sở hữu 50% số phiếu bầu hoặc ít hơn nhưng nắm quyền biểu quyết đối với hơn 50% số phiếu bầu theo sự thỏa thuận với các cổ đông khác; hoặc nắm quyền lãnh đạo, điều hành liên quan đến các chính sách tài chính hay sản xuất kinh doanh của công ty và được qui định tại điều lệ, theo sự thỏa thuận hay hợp đồng; hoặc có quyền bổ nhiệm hay miễn nhiệm phần lớn các thành viên của HĐQT, ban lãnh đạo; hay có quyền quyết định, định hướng đến phần lớn số phiếu bầu tại các cuộc họp HĐQT, ban lãnh đạo.

Do đó, việc lập BCTC hợp nhất thực hiện theo các quy định tại chuẩn mực kế toán số Theo CMKT Việt Nam Số 25 (VAS 25/2003).

**Một là**, một số công ty con của các Tổng công ty là công ty mẹ chưa lập BCTC hợp nhất cho năm kết thúc theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất hoặc lập BCTC hợp nhất chưa đầy đủ.

**Hai là**, TCT và một số công ty con chưa có nguồn nhân lực chuyên trách theo dõi sổ sách các đơn vị phụ thuộc cũng như nhân sự chuyên trách lập BCTC hợp nhất định kỳ (thường cuối năm mới thực hiện nên chưa đáp ứng các nhu cầu về thông tin chính xác, kịp thời).

**Ba là**, quy trình thực hiện hợp nhất BCTC của Tổng công ty chưa thực hiện một cách định kỳ theo các quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất. Cụ thể là BCTC hợp nhất chưa được chuẩn bị trên cơ sở định kỳ (hàng tháng, hàng quý) nhằm phục vụ cho công tác quản lý.

Việc lập báo cáo hợp nhất mới chỉ dừng ở việc cộng ngang số học số liệu của các đơn vị phụ thuộc (hợp công), chưa có các điều chỉnh cần thiết cho các BCTC hợp nhất như việc loại trừ công nợ và số dư nội bộ, loại trừ doanh thu và chi phí nội bộ.

Việc không lập BCTC hợp nhất của một số công ty con của DN là các công ty mẹ là không tuân thủ quy định của Thông tư 202/2014-TT-BTC ngày 22/12/2014 và chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng BCTC.

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty chưa đúng và chưa được thực hiện định kỳ có thể dẫn đến các chênh lệch lớn giữa số liệu hợp nhất ước thực hiện với số liệu hợp nhất sau kiểm toán. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc quản TCT vị và sự thiếu chính xác trong các quyết

*(Xem tiếp trang 76)*

cầu chính xác, an toàn, bảo mật, nhanh chóng càng nhân mạnh thêm nhu cầu cần phải có những giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến nhất.

Như vậy, có thể nói công nghệ thông tin giúp trung tâm thông tin tin dụng tăng năng suất lao động lên gấp nhiều lần, đảm bảo thông tin nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời và chi phí hợp lý để hạ giá thành sản phẩm thông tin tin dụng, điều này cũng có nghĩa là giảm chi phí thông tin đầu vào trong hoạt động tin dụng.

- Năng lực và trình độ của cán bộ thông tin tin dụng

Để hỗ trợ cho hoạt động của trung tâm thông tin tin dụng đạt hiệu quả thì công nghệ là nhân tố đặc biệt quan trọng, tuy nhiên, để sử dụng các chương trình phần mềm đó, thì cần phải có đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, có đạo đức, có trình độ chuyên môn, có khả năng phân tích và xử lý thông tin độc lập. Đối với hoạt động của trung tâm thông tin tin dụng, khối lượng hồ sơ xử lý hàng ngày rất lớn. Trong quá trình xử lý có nhiều tình huống xảy ra, cần phải giải quyết dựa vào sự phán đoán của người làm mà không thể lập trình được. Bên cạnh đó, yêu cầu của sản phẩm thông tin tin dụng là phải đảm bảo tính chính xác, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính pháp lý, tính kinh tế, tính đảm bảo an toàn bảo mật.

Vì vậy, với đội ngũ chuyên viên có kinh nghiệm, am hiểu về pháp luật, về quy trình nghiệp vụ giúp cho việc thu thập xử lý dữ liệu và phân tích thông tin đảm bảo chính xác hơn, chất lượng hơn; các sản phẩm đầu ra được nhanh chóng, kịp thời hơn đáp ứng thông tin tin dụng cho các tổ chức tin dụng trong quá trình thẩm định khách hàng, từ đó, giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận được nguồn vốn nhanh hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Yếu tố nhân lực cũng là yếu tố để cho Ban lãnh đạo xem xét và cân đối giữa con người và công việc, đảm bảo không thừa, không thiếu nhân lực vì sự bất hợp lý đó sẽ ảnh hưởng lớn tới chính nguồn thu nhập của trung tâm thông tin tin dụng.

#### Tài liệu tham khảo:

*Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2013, Thông tư 03/2013/TT-NHNN, tháng 05/2013 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Quy chế hoạt động thông tin tin dụng, Hà Nội 2013.*

*Phạm Thị Mai Phương, 2012, đề tài nghiên cứu khoa học - Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu cảnh báo tại Trung tâm thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam, Hà Nội 2012.*

*Lã Kim Phụng, 2009, đề tài nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu về hệ thống chấm điểm tin dụng thể nhân tại trung tâm thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam, Hà Nội 2009.*

## NHỮNG QUAN HỆ KINH TẾ TRONG CÁC TỔNG CÔNG TY..

(Tiếp theo trang 58)

định của Ban lãnh đạo TCT dựa trên các số liệu ban đầu.

### 5. Đề xuất, khuyến nghị

Để khắc phục một số khó khăn, hạn chế trên, Tổng công ty và các công ty con cần thực hiện một số nội dung sau:

**Thứ nhất**, các công ty con và công ty mẹ cần thực hiện lập BCTC hợp nhất tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Thực hiện đồng hoá các chính sách kế toán đối với các giao dịch trong những điều kiện và hoàn cảnh tương tự, thực hiện đồng hoá đối với các BCTC riêng không được lập cùng kỳ kế toán...

**Thứ hai**, Tổng công ty cần thiết lập và duy trì một hệ thống thu thập thông tin cho mục đích lập BCTC hợp nhất. Các công việc yêu cầu bao gồm xây dựng mẫu biểu báo cáo hợp nhất, kiểm tra và rà soát các mẫu biểu do các công ty con gửi và thực hiện đối chiếu, loại trừ nội bộ. Bộ máy kế toán cần được chuyên môn hoá hơn nữa về tổ chức BCTC

hợp nhất. Cần thiết phải có bộ phận, cán bộ chuyên trách vấn đề này tại các đơn vị trực thuộc, có như vậy ngay từ các khâu phát sinh tại các đơn vị trực thuộc này thì bộ phận, cán bộ chuyên trách mới biết được cách xử lý cũng ghi chép số liệu.

Các công việc này cần được thực hiện thường xuyên, hàng tháng, quý, thay vì chỉ tập trung vào thời điểm cuối năm để có thể cung cấp kịp thời các thông tin tài chính hợp nhất, phục vụ cho mục đích quản trị và lập kế hoạch của Tổng công ty.

#### Tài liệu tham khảo:

*Luật kế toán số: 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015.  
Luật Doanh nghiệp: 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.*

*Nghị định 101/2009/NĐ-CP về thi điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế Nhà nước.*

*Nghị định 111/2007/NĐ-CP về tổ chức, quản lý tổng công ty Nhà nước và chuyển đổi tổng công ty Nhà nước, công ty Nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty Nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005.*

*Nghị định số: 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014 về Tập đoàn kinh tế Nhà nước và Tổng công ty Nhà nước.*

*Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.*